

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 226/2025/LĐ-ST
Ngày: 28 - 5 - 2025
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng lao
động vô hiệu”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Ông Phan Hồng Việt - Đại diện tư pháp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 48/2025/TLST-LĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-LĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2025/QĐST-LĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Số F, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: Số A, Khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH F (Việt Nam); địa chỉ trụ sở: Lô D, Đường số B, KCN V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1990, địa chỉ thường trú: Số F, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị O, trình bày:

Bà Nguyễn Thị O và bà Nguyễn Thị Diễm T là chị em họ, do lúc đi làm chưa có giấy tờ nên bà T mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị O, để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH F (Việt Nam) với tên của bà Nguyễn Thị O và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 05/2008 đến tháng 02/2010, nhưng trên thực tế bà Nguyễn Thị Diễm T là người ký kết hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH F (Việt Nam). Hợp đồng lao động ký kết năm 2008 do Công ty TNHH F (Việt Nam) đã thu lại nên bà Nguyễn Thị O không thể cung cấp cho Tòa án được. Do không am hiểu pháp luật nên bà Nguyễn Thị Diễm T đã vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà O được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, bà Nguyễn Thị O khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Nguyễn Thị O (do bà Nguyễn Thị Diễm T là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH F (Việt Nam) trong khoảng thời gian làm từ tháng 05 năm 2008 đến tháng 02 năm 2010 là vô hiệu toàn bộ. Bà Nguyễn Thị O không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Sổ bảo hiểm xã hội; Công văn số 1201 ngày 05/12/2024 (bản chính) và các tài liệu chứng cứ khác kèm theo.

- Bị đơn Công ty TNHH F (Việt Nam) đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng Công ty TNHH F (Việt Nam) không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm T trình bày:* Thống nhất trình bày của bà Nguyễn Thị O. Vào thời gian từ tháng 05/2008 đến tháng 02/2010, bà có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị O để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH F (Việt Nam) và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà Nguyễn Thị O từ tháng 05/2008 đến tháng 02/2010, nhưng trên thực tế bà Nguyễn Thị Diễm T là người ký kết hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH F (Việt Nam), do thời điểm nêu trên bà Nguyễn Thị Diễm T chưa có giấy tờ nên mới mượn chứng minh của bà Nguyễn Thị O để thực hiện ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH F (Việt Nam) theo hợp đồng lao động năm 2008 (Hợp đồng lao động ký kết năm 2008 do Công ty TNHH F (Việt Nam) đã thu lại nên bà Nguyễn Thị Diễm T không thể cung cấp cho Tòa án được).

Nay, bà chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1988; CCCD số 089188010725 (CMND: 351755245) đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp từ tháng 05 năm 2008 đến tháng 02 năm 2010, mã số sổ Bảo hiểm xã hội 7408145187. Bảo hiểm tỉnh Bình Dương đã thực hiện chốt sổ đối với mã số sổ Bảo hiểm xã hội 7408145187 ngày 19/3/2010 đã hưởng trợ cấp BHXH một lần theo Quyết định số 041103285 ngày 16/3/2011. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ vụ án, thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị O khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH F (Việt Nam) và bà Nguyễn Thị O (do bà Nguyễn Thị Diễm T là người ký kết) từ tháng 05/2008 đến tháng 02/2010 bị vô hiệu theo quy định của pháp luật. Xét, đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng lao động vô hiệu” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH F (Việt Nam) địa chỉ trụ sở: L, Đường số B, KCN V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện vào tháng 05 năm 2008 đến tháng 02/2010 giữa Công ty TNHH F (Việt Nam) và bà Nguyễn Thị O (thực tế bà Nguyễn Thị Diễm T ký hợp đồng lao động). Bà T làm việc tại Công ty TNHH F (Việt Nam) đến tháng 02 năm 2010 thì nghỉ việc. Thời gian bà T làm việc tại Công ty trên thì Công ty Đ bảo xã hội cho người lao động đầy đủ. Khi bà T đến Công ty làm việc, bà T cung cấp cho Công ty hồ sơ xin việc thể hiện tên người xin việc là bà Nguyễn Thị O do đó toàn bộ hồ sơ tại Công ty liên quan đến người lao động làm việc cho Công ty trên đều thể hiện tên Nguyễn Thị O, vì vậy hàng tháng Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên Nguyễn Thị O mà không phải là Nguyễn Thị Diễm T. Xét, sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Diễm T dùng nhân thân của bà Nguyễn Thị O để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH F (Việt Nam) là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) xét thấy, yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Nguyễn Thị O và người sử dụng lao động Công ty TNHH F (Việt Nam) từ tháng 05/2008 đến tháng 02/2010 là có cơ sở chấp nhận.

Đối với quyền lợi của bà Nguyễn Thị Diễm T do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị O tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 122; Điều 132; Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117; Điều 122; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự năm 2015);

Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

Các Điều 15; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O về việc tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu đối với bị đơn Công ty TNHH F (Việt Nam).

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa tên bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1988; CCCD số 089188010725 và Công ty TNHH F (Việt Nam) trong thời gian từ tháng 05 năm 2008 đến tháng 02 năm 2010 là vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội thành phố T thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Nguyễn Thị O theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị O tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000732 ngày 11/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn Công ty TNHH F (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết